

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SỢI THẺ KỸ
CENTURY SYNTHETIC FIBER
CORPORATION**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 258 -25/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 16 tháng/month 06 năm/year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**INFORMATION DISCLOSURE
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ
Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM
Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, HCMC.
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Spokesman: Dang Trieu Hoa – Title: BOD Chairperson
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:
☐ định kỳ/periodic ☒ bất thường/irregular ☐ 24h/24 hours ☐ theo yêu cầu/on demand

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

Đính chính Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024 (Xem công văn đính kèm).

Correction of the Audited Consolidated Financial Statements for FY2024 (See the attached document).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16 / 06 /2025 tại đường dẫn:
<https://theky.vn>

This information was published on the Company's website on 16 / 06 /2025 at the link: <https://theky.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.
Documents related to the information disclosure.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT/BOD CHAIRPERSON *M. Chi***



**CENTURY SYNTHETIC FIBER
CORPORATION**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

No: 240 -25/CV-CTTK
Re: Correction of the 2024 Audited
Consolidated Financial Statements
To:

Hochiminh city, date 30 month 05 year 2025

- The State Securities Commision
- Hochiminh Stock Exchange
- Esteemed Shareholders of the Company
- Relevant Authorities, Organizations, and Individuals

Based on the audited consolidated financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024, of Century Synthetic Fiber Corporation (“STK”), which were audited by Ernst & Young Vietnam Limited Liability Company (hereinafter referred to as the “2024 Audited Consolidated Financial Statements”).

Through this document, the Company would like to correct the contents of the 2024 Audited Consolidated Financial Statements as follows:

Correction details	The Company hereby corrects the content of the Cash Flow Statement (Page 9) in the 2024 Audited Consolidated Financial Statements as follows:			
Before correction	VND			
	Code	ITEMS	Current year	Previous year
	09	Increase in receivables	(45,715,679,544)	(95,441,161,606)
	23	Placement of bank term deposits	54,050,637,373	(54,050,637,373)
After correction	24	Proceeds from bank term deposit	-	180,000,000,000
	VND			
	Code	ITEMS	Current year	Previous year
	09	Increase in receivables	(59,386,129,557)	(95,441,161,606)
	23	Placement of bank term deposits	-	(54,050,637,373)
	24	Proceeds from bank term deposit	54,050,637,373	180,000,000,000

All other contents of the 2024 Audited Consolidated Financial Statements as previously disclosed remain unchanged. This official document is an integral part of and is attached to the 2024 Audited Consolidated Financial Statements.

Recipients:

- As stated above
- Ernst & Young Vietnam Limited Liability Company
- Company archives

LEGAL REPRESENTATIVE

BOD CHAIRPERSON Ms. Chi



Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã xem xét và đồng ý với nội dung tại Công văn số 240-25/CV-CTTK ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ ("Công ty") liên quan đến sai sót trong một số thông tin trình bày tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2025 và thông tin đúng để sửa sai sót này.

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ERNEST YOUNG CHIN KANG

OPINION OF THE AUDIT FIRM

We have reviewed and agreed with the content in Official Letter No. 240-25/CV-CTTK dated 30 May 2025 from Century Fiber Corporation ("the Company") regarding the errors presented in the consolidated cash flow statement of the consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024 dated on 7 March 2025, and the correct information to amend these errors.

**ON BEHALF OF
ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED COMPANY**

DEPUTY GENERAL DIRECTOR

ERNEST YOUNG CHIN KANG

Century Synthetic Fiber Corporation

Consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2024



**Shape the future
with confidence**

Century Synthetic Fiber Corporation

CONTENTS

	<i>Pages</i>
General information	1
Report of management	2
Independent auditors' report	3 - 4
Consolidated balance sheet	5 - 7
Consolidated income statement	8
Consolidated cash flow statement	9 - 10
Notes to the consolidated financial statements	11 - 35

Century Synthetic Fiber Corporation

GENERAL INFORMATION

THE COMPANY

Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is currently a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificates No. 0302018927 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City dated 11 April 2005, as amended.

The Company listed its shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange with trading code STK in accordance with Decision No. 410/QĐ-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 10 September 2015.

The current principal activity of the Company is to manufacture synthetic yarn and knitting.

The Company's registered head office is located at Lot B1-1 North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam. In addition, the Company has Trang Bang Branch, located at Street No.8, Trang Bang Industrial Zone, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, and one representative office, located at 102-104-106 Bau Cat, Ward 14, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Ms Dang My Linh	Chairwomen
Mr Dang Trieu Hoa	Vice Chairman
Mr Dang Huong Cuong	Member
Ms Cao Thi Que Anh	Member
Mr Vo Quang Long	Member
Mr Chen Che Jen	Independence member
Mr Nguyen Quoc Huong	Independence member

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Mr Nguyen Tu Luc	Head
Ms Ha Kiet Tran	Member
Ms Dinh Ngoc Hoa	Member

MANAGEMENT

Members of the management during the year and at the date of this report are:

Mr Dang Trieu Hoa	General Director
Ms Nguyen Phuong Chi	Chief Strategic Officer
Mr Phan Nhu Bich	Chief Financial Officer

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Dang Trieu Hoa.

AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

Century Synthetic Fiber Corporation

REPORT OF MANAGEMENT

Management of Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is pleased to present this report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiary ("the Group") for the year ended 31 December 2024.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue in business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

STATEMENT BY MANAGEMENT

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2024, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

For and on behalf of the management:



Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

Reference: 11659174/67734722

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Century Synthetic Fiber Corporation

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") and its subsidiary (collectively referred to as "the Group") as prepared on 7 March 2025 and set out on pages 5 to 35, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, and the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statement, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statement in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Shape the future
with confidence

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2024, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprises Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



Ernest Young Chin Kang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1891-2023-004-1

Pham Ninh Tung
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 5631-2025-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
as at 31 December 2024

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		997,061,057,465	1,395,936,217,102
110	I. Cash and cash equivalents	4	105,602,398,852	109,476,256,782
111	1. Cash		5,402,398,852	5,989,452,153
112	2. Cash equivalents		100,200,000,000	103,486,804,629
120	II. Short-term investment		-	54,050,637,373
123	1. Held-to-maturity investment		-	54,050,637,373
130	III. Current accounts receivable		105,312,984,991	450,138,868,654
131	1. Short-term trade receivables	5	92,738,753,955	91,305,667,931
132	2. Short-term advances to suppliers	6	7,104,476,750	354,529,855,008
135	3. Short-term loan receivable	7	3,471,000,000	3,471,000,000
136	4. Other short-term receivables	8	1,998,754,286	832,345,715
140	IV. Inventories	9	616,099,132,887	615,023,248,456
141	1. Inventories		622,696,170,006	621,333,490,652
149	2. Provision for obsolete inventories		(6,597,037,119)	(6,310,242,196)
150	V. Other current assets		170,046,540,735	167,247,205,837
151	1. Short-term prepaid expenses	14	4,129,693,461	2,793,026,285
152	2. Value-added tax deductible	17	165,766,676,433	162,695,833,297
153	3. Tax receivable from the State	17	150,170,841	1,758,346,255

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)
as at 31 December 2024

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
200	B. NON-CURRENT ASSETS		2,814,182,774,472	1,577,922,927,005
220	I. Fixed assets		560,684,345,537	642,368,814,999
221	1. Tangible fixed assets	10	560,684,345,537	642,368,814,999
222	Cost		2,103,161,115,998	2,092,008,447,857
223	Accumulated depreciation		(1,542,476,770,461)	(1,449,639,632,858)
227	2. Intangible fixed asset	11	-	-
228	Cost		14,385,298,205	14,385,298,205
229	Accumulated amortization		(14,385,298,205)	(14,385,298,205)
240	II. Long-term asset in progress		2,111,112,394,294	783,102,433,377
242	1. Construction in progress	12	2,111,112,394,294	783,102,433,377
250	III. Long-term investment		13,800,000,000	13,800,000,000
253	1. Investment in other entity	13	13,800,000,000	13,800,000,000
260	IV. Other long-term assets		128,586,034,641	138,651,678,629
261	1. Long-term prepaid expenses	14	125,692,890,034	135,708,407,488
262	2. Deferred tax assets	28.3	2,893,144,607	2,943,271,141
270	TOTAL ASSETS		3,811,243,831,937	2,973,859,144,107

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)
as at 31 December 2024

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	C. LIABILITIES		2,103,888,828,129	1,344,969,752,937
310	I. Current liabilities		1,311,165,536,034	935,575,186,771
311	1. Short-term trade payables	15	377,654,321,523	237,754,934,541
312	2. Short-term advances from customers	16	22,222,333,339	39,224,518,554
313	3. Statutory obligations	17	6,894,246,528	2,970,767,020
314	4. Payable to employees		20,388,912,097	25,610,480,880
315	5. Short-term accrued expenses	18	10,426,136,962	7,954,740,536
319	6. Other short-term payables	19	7,623,105,278	5,203,790,319
320	7. Short-term loans	20	857,624,790,695	609,537,812,760
322	8. Bonus and welfare fund	3.15	8,331,689,612	7,318,142,161
330	II. Non-current liabilities		792,723,292,095	409,394,566,166
338	1. Long-term loans	20	792,463,828,758	409,136,361,334
342	2. Long-term provision	3.13	259,463,337	258,204,832
400	D. OWNERS' EQUITY		1,707,355,003,808	1,628,889,391,170
410	I. Capital	21.1	1,707,355,003,808	1,628,889,391,170
411	1. Share capital		966,369,240,000	966,369,240,000
411a	- Shares with voting rights		966,369,240,000	966,369,240,000
412	2. Share premium		64,477,297,852	40,824,578,872
413	3. Treasury share		-	(42,410,550,000)
418	4. Investment and development fund		1,219,011,000	1,219,011,000
421	5. Undistributed earnings		675,289,454,956	662,887,111,298
421a	- Undistributed earnings at the end of prior year		662,887,111,298	575,087,778,611
421b	- Profit of current year		12,402,343,658	87,799,332,687
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		3,811,243,831,937	2,973,859,144,107

Preparer
Nguyen Thi Hong Tham

Chief Accountant
Phan Nhu Bich



General Director
Dang Thieu Hoa

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods	22.1	1,210,456,380,134	1,425,624,612,200
02	2. Deductions	22.1	(203,810,405)	(561,587,822)
10	3. Net revenue from sale of goods	22.1	1,210,252,569,729	1,425,063,024,378
11	4. Cost of goods sold	27	(1,047,025,681,914)	(1,232,981,228,387)
20	5. Gross profit from sale of goods		163,226,887,815	192,081,795,991
21	6. Finance income	22.2	12,875,707,062	31,061,416,006
22	7. Finance expenses	23	(85,768,489,169)	(54,057,483,005)
23	In which: Interest expense		(17,127,583,213)	(17,335,099,901)
25	8. Selling expenses	24, 27	(12,473,186,828)	(19,663,775,726)
26	9. General and administrative expenses	25, 27	(52,322,172,851)	(60,439,695,454)
30	10. Operating profit		25,538,746,029	88,982,257,812
31	11. Other income		266,173,503	2,074,019,048
32	12. Other expenses	26	(6,903,874,485)	(54,346,623)
40	13. Other (loss) profit		(6,637,700,982)	2,019,672,425
50	14. Accounting profit before tax		18,901,045,047	91,001,930,237
51	15. Current corporate income tax expense	28.1	(6,448,574,855)	(2,721,665,639)
52	16. Deferred tax expense	28.3	(50,126,534)	(480,931,911)
60	17. Net profit after tax		12,402,343,658	87,799,332,687
61	18. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		12,402,343,658	87,799,332,687
70	19. Basic earnings per share	30	130	933
71	20. Diluted earnings per share	30	130	933

Preparer
Nguyễn Thị Hồng Tham

Chief Accountant
Phan Nhu Bích

General Director
Đặng Triều Hoà

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
for the year ended 31 December 2024


VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Accounting profit before tax		18,901,045,047	91,001,930,237
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortization	10, 11	92,837,137,603	91,883,225,860
03	Provision (reversal provision)		286,794,923	(235,568,532)
04	Foreign exchange losses arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency		48,816,257,803	805,777,484
05	Profits from investing activities	22.2	(358,462,148)	(10,689,149,403)
06	Interest expense	23	17,127,583,213	17,335,099,901
08	Operating profit before changes in working capital		177,610,356,441	190,101,315,547
09	Increase in receivables		(59,386,129,557)	(95,441,161,606)
10	Increase in inventories		(1,362,679,354)	(148,651,155,668)
11	Increase in payables		178,694,932,888	57,158,656,087
12	Decrease in prepaid expenses		8,678,850,278	914,547,932
14	Interest paid		(16,881,918,686)	(17,710,432,108)
15	Corporate income tax paid		-	(59,110,914)
20	Net cash flows from (used in) operating activities		287,353,412,010	(13,687,340,730)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchase and construction of fixed assets		(935,121,066,461)	(949,806,432,497)
23	Placement of bank term deposits		-	(54,050,637,373)
24	Proceeds from bank term deposit		54,050,637,373	180,000,000,000
27	Interest received		237,634,370	10,948,211,565
30	Net cash flows used in investing activities		(880,832,794,718)	(812,908,858,305)

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continued)
for the year ended 31 December 2024

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	Drawdown of borrowings	20	2,120,882,205,187	1,788,770,227,336
34	Repayment of borrowings	20	(1,530,306,747,650)	(1,087,984,771,145)
40	Net cash flows from financing activities		590,575,457,537	700,785,456,191
50	Net decrease in cash and cash equivalents for the year		(2,903,925,171)	(125,810,742,844)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		109,476,256,782	235,284,187,347
61	Impact of exchange rate fluctuation		(969,932,759)	2,812,279
70	Cash and cash equivalents at the end of the year	4	105,602,398,852	109,476,256,782


Preparer
Nguyen Thi Hong Tham


Chief Accountant
Phan Nhu Bich


General Director
Đang Triệu Hòa

Ho Chi Minh City, Vietnam
7 March 2025

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
as at 31 December 2024 and for the year then ended

1. CORPORATE INFORMATION

Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is currently a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificates No. 0302018927 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City dated 11 April 2005, as amended.

The Company listed its shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange with trading code STK in accordance with Decision No. 410/QĐ-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 10 September 2015.

The current principal activity of the Company is to manufacture synthetic yarn and knitting.

The Company's normal course of business cycle is 12 months.

The Company's registered head office is located at Lot B1-1 North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam. In addition, the Company has Trang Bang Branch, located at Street No.8, Trang Bang Industrial Zone, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, and one representative office, located at 102-104-106 Bau Cat, Ward 14, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of employees of the Company and its subsidiary ("the Group") as at 31 December 2024 was 998 (31 December 2023: 891).

Corporate structure

As at 31 December 2024, the Company has a subsidiary as follows:

Unitex is a limited company established in Vietnam pursuant to Investment Certificate No. 452033000336 issued by the Management Board of Tay Ninh Economic Zone on 29 June 2015 and Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 3901206611 issued by the Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province on 29 June 2015, and as subsequently amended.

The principal activity of Unitex is to manufacture fibers and fabrics. The registered head office of Unitex is located at A17.1, C1 Street, Thanh Thanh Cong Industrial Zone, An Hoa Commune, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, Vietnam. Currently, Unitex is in pre-operation progress.

As at 31 December 2024, the Company holds 100% ownership and voting rights of Unitex.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 *Accounting standards and system*

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiary ("the Group"), expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position and the results of its consolidated operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 *Applied accounting documentation system*

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3 *Fiscal year*

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 *Accounting currency*

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

2.5 *Basis of consolidation*

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiary for the year ended 31 December 2024.

Subsidiary is fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiary are prepared for the same reporting year as the Company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealized gains or losses resulting from intra-company transactions are eliminated in full.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of changes in value.

3.2 Inventories

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprise costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labor cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition. In case the net realizable value is lower than the original price, it must be calculated according to the net realizable value.

Net realizable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

- | | |
|----------------|--|
| Raw materials | - cost of purchase on a weighted average basis. |
| Finished goods | - cost of finished good on a weighted average basis. |

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement. When inventories are expired, obsolescence, damage or become useless, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories are included in the consolidated income statement.

3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after the provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents the estimated loss due to non-collection of receivables that were outstanding at the balance sheet date. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administration expense in the consolidated income statement. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and accountant writes off those bad debts, the differences between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables are included in the consolidated income statement.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

3.5 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortization.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the consolidated income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

3.6 Depreciation and amortization

Depreciation of tangible fixed assets and amortization of intangible fixed asset are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings, structures	4 - 25 years
Machinery and equipment	2 - 15 years
Motor vehicles	4 - 10 years
Office equipment	3 - 5 years
Computer software	4 - 5 years

3.7 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalized as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalized as part of the cost of the respective asset.

3.8 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported either as short-term or long-term prepaid expenses in the consolidated balance sheet and amortized over the year for which the amounts are paid or the year in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

The following types of expenses are recorded as long-term prepaid expenses and are amortized to the consolidated income statement:

- ▶ Prepaid rental; and
- ▶ Tools and consumables with large value issued into production and can be used for more than one year.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.8 *Prepaid expenses* (continued)

Prepaid land rental

The prepaid land rental represents the unamortized balance of advance payment made in accordance with the lease contract signed with Cidico Corporation on 3 July 2000 for a period of 50 years and Tay Ninh Industrial Park Infrastructure Development Joint Stock Company on 21 July 2009 for a period of 45 years, and on 31 October 2017 to 14 July 2053 and Thanh Thanh Cong Industrial Zone Joint Stock Company on 30 June 2015 for 43 years.

Such prepaid rental is recognized as a long-term prepaid expense for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease year according to Circular 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2013.

3.9 *Construction in process*

Construction in progress represents costs that are directly attributable to the acquisition, construction to produce an asset in the course of construction at the balance sheet date.

3.10 *Business combinations and goodwill*

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

3.11 *Investments*

Investment in another entity

Investment in another entity is stated at acquisition cost.

Provision for diminution in value of an investment

Provision for the investment is made when there are reliable evidences of the diminution in value of the investment at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

3.12 *Payables and accruals*

Payables and accruals are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

3.13 *Accrual for severance pay*

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting period for all employees who have been in service for more than 12 months up to the consolidated balance sheet date at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labor Code and related implementing guidance. The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Increase or decrease to the accrued amount other than actual payment to employees will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labor contract following Article 48 of the Labor Code.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.14 Foreign currency transactions

The Company applies the guidance of Circular 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing some articles of Circular 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on foreign currency transactions.

Transactions in currencies other than the Group's accounting currency are recorded at the exchange rate that approximates the average of buying and selling transfer exchange rates announced by the commercial bank where the Group most frequently conducts its transactions ("the average transfer exchange rate"). This approximate exchange rate does not exceed +/- 1% of the average transfer exchange rate. The average transfer exchange rate is determined daily based on the average of daily buying and selling transfer exchange rates of the commercial bank.

At the end of the year, balances of monetary items denominated in foreign currencies are translated at the transfer exchange rate announced by the commercial bank where the Group most frequently conducts its transactions. This transfer exchange rate is the buying transfer exchange rate of the commercial bank.

All foreign exchange differences incurred are taken to the consolidated income statement.

3.15 Appropriation of net profit

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the shareholders' meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investment.

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

3.16 Revenue recognition

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognized:

Sale of goods

Revenue is recognized when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Interest

Revenue is recognized as the interest accrues unless collectability is in doubt.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.17 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when the Group intend to settle its current income tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the consolidated balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except:

- ▶ where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except:

- ▶ where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilized.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilized. Previously unrecognized deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognized to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realized or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.17 Taxation (continued)

Deferred tax (continued)

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- ▶ either the same taxable entity; or
- ▶ when the Group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3.18 Earnings per share

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit (loss) after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting the interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.19 Segment information

The Group's principal activities are to manufacture synthetic yarn and knitting. In addition, these activities are mainly taking place within Vietnam. Therefore, the Group's risks and returns are not impacted by the Group's products that the Group is manufacturing or the locations where the Group is trading. As a result, the Group's management is of the view that there is only one segment for business and geography and therefore presentation of segmental information is not required.

3.20 Related parties

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprise or individual, including close members of their families.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	9,693,533	4,587,230
Cash in banks	5,392,705,319	5,984,864,923
Time deposits at banks (*)	100,200,000,000	103,486,804,629
TOTAL	105,602,398,852	109,476,256,782

(*) These represent short-term deposits at commercial banks with original maturities of less than three (3) months and earn market rate interest.

5. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Coats Phong Phu Co., Ltd.	30,598,767,067	30,329,992,959
Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	14,389,550,465	1,765,368,864
Van Thinh Trading Service Co., Ltd.	11,850,307,007	
Chori Osaka Ltd Ptd	10,479,688,403	13,683,713,805
XKTC-Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	2,185,095,310	15,353,899,789
Nam Phuong Textile and Dyeing Co., Ltd.	83,665,034	17,000,354,250
Others	23,151,680,669	13,172,338,264
TOTAL	92,738,753,955	91,305,667,931

6. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Tang Nghi Luc One Member Co., Ltd	4,509,321,854	-
Vietnam Giza Engineering and Construction JSC	-	298,016,528,971
Multicom Machinery Taiwan Ltd	-	50,762,970,184
Others	2,595,154,896	5,750,355,853
TOTAL	7,104,476,750	354,529,855,008

7. SHORT-TERM LOAN RECEIVABLE

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Dintsun Vietnam Company Limited	3,471,000,000	3,471,000,000

The balance represents interest-free loan to Dintsun Vietnam Company Limited ("Dintsun") under Capital Contribution Agreement No. DTVN – 2019001 dated 12 December 2019 and the latest Appendix dated 28 June 2024 to raise capital for the Soc Trang Industrial Zone Project.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

8. OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Deposits interest	147,917,504	504,397,615
Others	1,850,836,782	327,948,100
TOTAL	1,998,754,286	832,345,715

9. INVENTORIES

	VND			
	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Finished goods	412,787,130,094	(2,032,632,169)	447,284,438,381	(2,458,780,034)
Raw materials	186,405,176,481	(4,564,404,950)	149,533,927,024	(3,851,462,162)
Goods in transit	23,503,863,431	-	24,515,125,247	-
TOTAL	622,696,170,006	(6,597,037,119)	621,333,490,652	(6,310,242,196)

Detail of movements of provision for obsolete inventories:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	6,310,242,196	6,545,810,728
Add: Provision made during the year	4,574,326,845	174,972,119
Less: Reversal of provision during the year	(4,287,531,922)	(410,540,651)
Ending balance	6,597,037,119	6,310,242,196

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

10. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	VND Total
Cost:					
Beginning balance	304,608,626,458	1,593,749,105,162	188,858,990,157	4,791,726,080	2,092,008,447,857
Transfer from CIP	-	9,024,991,977	2,127,676,164	-	11,152,668,141
Ending balance	304,608,626,458	1,602,774,097,139	190,986,666,321	4,791,726,080	2,103,161,115,998
<i>In which:</i>					
Fully depreciated	88,291,213,410	594,184,780,150	101,587,466,880	4,791,726,079	788,855,186,519
Accumulated depreciation:					
Beginning balance	169,194,257,479	1,106,204,118,331	169,449,530,968	4,791,726,080	1,449,639,632,858
Depreciation for the year	9,046,843,993	73,099,262,266	10,691,031,244	-	92,837,137,603
Ending balance	178,241,101,465	1,179,303,380,697	180,140,562,219	4,791,726,080	1,542,476,770,461
Net carrying amount:					
Beginning balance	135,414,368,979	487,544,986,831	19,409,459,189	-	642,368,814,999
Ending balance	126,367,524,993	423,470,716,442	10,846,104,102	-	560,684,345,537

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

11. INTANGIBLE FIXED ASSET

	VND
	<i>Computer software</i>
Cost:	
Beginning and ending balances	14,385,298,205
<i>In which:</i>	
Fully amortized	14,385,298,205
Accumulated amortization:	
Beginning and ending balances	14,385,298,205
Net carrying amount:	
Beginning and ending balances	-

12. CONSTRUCTION IN PROGRESS

		VND
	Ending balance	Beginning balance
Unitex factory project (*)	2,096,119,941,412	757,817,607,354
Machinery and equipment under installation	14,930,784,238	25,223,157,379
Others	61,668,644	61,668,644
TOTAL	2,111,112,394,294	783,102,433,377

(*) As at 31 December 2024, Unitex factory project owned by Unitex Corporation is being used as mortgage for bank loans (Note 20).

13. INVESTMENT IN OTHER ENTITY

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
	<i>% of interest</i>	<i>Cost % of interest</i>
	<i>(%)</i>	<i>VND (%) VND</i>
Dintsun Vietnam Company Limited	5 13,800,000,000	5 13,800,000,000

Dintsun Vietnam Company Limited ("Dintsun") is a limited company established pursuant to Enterprise Registration Certificate No. 2200764052 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province on 29 May 2019. Its principal activity is to invest in business infrastructure. The registered head office of Dintsun is located at Xay Da B Hamlet, Ho Dac Kien Commune, Chau Thanh District, Soc Trang Province, Vietnam.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

14. PREPAID EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	4,129,693,461	2,793,026,285
Insurance premium	1,907,513,717	1,904,838,455
Tools and supplies in use	1,827,326,100	489,317,732
Prepaid car rental	320,000,000	320,000,000
Others	74,853,644	78,870,098
Long-term	125,692,890,034	135,708,407,488
Prepaid land rental (*)	110,463,566,238	111,709,374,794
Tools and supplies in use	13,041,658,974	20,748,154,809
Others	2,187,664,822	3,250,877,885
TOTAL	129,822,583,495	138,501,433,773

(*) As at 31 December 2024, a part of prepaid land rental with the remaining amount of VND 78,035,144,535 of land plot No. 30, map sheet No. 69, Thanh Thanh Cong Industrial Park, Hoa An commune, Trang Bang district, Tay Ninh province with an area of 100,183.13 m2 owned by Unitex Corporation is being used as mortgage for bank loans (Note 20).

15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
PT Indorama Polychem Indonesia	113,245,684,800	-
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	109,740,846,000	117,400,338,000
Vietnam Giza Engineering and Construction		
Joint Stock Company	60,132,019,964	-
Chori Co., Ltd.	29,846,682,000	62,895,417,000
Tainan Spinning Co., Ltd.	6,049,887,090	32,910,848,100
Others	58,639,201,669	24,548,331,441
TOTAL	377,654,321,523	237,754,934,541

16. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
De Licacy Viet Nam Industrial Co., Ltd	12,048,401,928	-
Lear Corporation - Kenansville	3,661,809,868	29,140,194,914
Others	6,512,121,543	10,084,323,640
TOTAL	22,222,333,339	39,224,518,554

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. STATUTORY OBLIGATIONS

	<i>Beginning balance</i>	<i>Increase during the year</i>	<i>Decrease during the year</i>	<i>VND Ending balance</i>
Payables				
Corporate income tax	-	6,448,574,775	(1,638,337,850)	4,810,236,925
Value-added tax	2,501,784,369	22,886,933,495	(23,649,734,836)	1,738,983,028
Personal income tax	297,680,446	1,753,084,854	(1,705,738,725)	345,026,575
Export import tax	171,302,205	-	(171,302,205)	-
Others	-	65,292,397	(65,292,397)	-
TOTAL	2,970,767,020	31,153,885,521	(27,230,406,013)	6,894,246,528
Receivables				
Value-added tax deductible	162,695,833,297	449,159,506,134	(446,088,662,998)	165,766,676,433
Export import tax	114,423,926	3,143,794,698	(3,108,047,783)	150,170,841
Corporate income tax	1,642,819,105	-	(1,642,819,105)	-
Others	1,103,224	68,753,986	(69,857,210)	-
TOTAL	164,454,179,552	452,372,054,818	(450,909,387,096)	165,916,847,274

18. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	<i>Ending balance</i>	<i>VND Beginning balance</i>
Utilities	8,006,818,215	6,733,250,971
Sales commission	1,852,441,266	865,656,539
Interest expense	566,877,481	355,833,026
TOTAL	10,426,136,962	7,954,740,536

19. SHORT-TERM OTHER PAYABLES

	<i>Ending balance</i>	<i>VND Beginning balance</i>
Union fees	3,327,930,639	2,326,315,136
Social insurance	1,815,031,595	458,994,129
Dividends	327,500,530	327,500,530
Others	2,152,642,514	2,090,980,524
TOTAL	7,623,105,278	5,203,790,319

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

20. LOANS

	Beginning balance	Increase	Decrease	Revaluation due to foreign exchange difference	Reclassification	Ending balance
						VND
Short-term						
Loans from bank (Note 20.1)	440,977,812,760	1,419,216,531,185	(1,362,253,873,583)	7,184,571,442	-	505,125,041,804
Current portion (Note 20.2)	168,560,000,000	-	(168,052,874,067)	2,956,034,839	349,036,588,119	352,499,748,891
Long-term						
Loan from bank (Note 20.2)	409,136,361,334	701,665,674,002	-	30,698,381,541	(349,036,588,119)	792,463,828,758
TOTAL	1,018,674,174,094	2,120,882,205,187	(1,530,306,747,650)	40,838,987,822	-	1,650,088,619,453

20.1 Short-term loans

The Company obtained loans from banks to finance its working capital requirements and factory construction for Unitex Corporation at interest rates ranging from 3.5% to 7.54% per annum (for foreign currencies) and from 2.9% to 6% per annum (for VND). Further details are as follows:

Bank	Ending balance	Original amount	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
	VND	USD			
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh Branch	239,377,772,863	-	From 6 January 2025 to 27 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch	118,812,504,857	4,705,259	From 8 February 2025 to 27 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
Orient Commercial Joint Stock Bank – Tan Binh Branch	73,695,801,030	2,918,530	From 26 April 2025 to 23 May 2025	Working capital requirements	Unsecured
Woori Bank Vietnam Limited – Ho Chi Minh Branch	49,466,694,102	1,958,999	From 16 April 2025 to 26 June 2025	Working capital requirements	Unsecured

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

20. LOANS (continued)

20.1 Short-term loans (continued)

Bank	Ending balance VND	Original amount USD	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
CTBC Bank Co., Ltd	15,305,897,545	-	From 28 April 2025 to 25 May 2025	Factory construction for Unitex Corporation	Land use right
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch	8,466,371,407	-	From 4 April 2025 to 5 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
TOTAL	505,125,041,804	9,582,788			

20.2 Long-term loan

Bank	Ending balance VND	Original amount USD	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
CTBC Bank Co., Ltd (*)	1,144,963,577,649	45,343,296	From 30 March 2025 to 17 January 2028	Factory construction for Unitex Corporation	Factory and lease rights

In which:

Current portion
Non-current portion

352,499,748,891
792,463,828,758

13,959,833
31,383,463

(*) CTBC Bank Co., Ltd is the agent bank for the syndicated loans of the 4 following banks: Kasikornbank Public Company Limited, The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Offshore Banking Branch, Entie Commercial Bank and E.Sun Commercial Bank, Ltd.

(*) Unitex's credit from CTBC Bank is secured by Century Fiber Company.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

21. OWNERS' EQUITY

21.1 Movements in owners' equity

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings	Total	VND
Previous year:							
Beginning balance	843,638,250,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	697,818,768,611	1,541,090,058,483	
Net profit for the year	-	-	-	-	87,799,332,687	87,799,332,687	
Dividends declared	122,730,990,000	-	-	-	(122,730,990,000)	-	
Ending balance	966,369,240,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	662,887,111,298	1,628,889,391,170	
Current year:							
Beginning balance	966,369,240,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	662,887,111,298	1,628,889,391,170	
Re-sell treasury shares	-	23,652,718,980	42,410,550,000	-	-	66,063,268,980	
Net profit for the year	-	-	-	-	12,402,343,658	12,402,343,658	
Ending balance	966,369,240,000	64,477,297,852	-	1,219,011,000	675,289,454,956	1,707,355,003,808	

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

21. OWNERS' EQUITY (continued)

21.2 Capital transactions with owners and distribution of dividends/profits

		VND
	Current year	Previous year
Issued share capital		
Beginning balance	966,369,240,000	843,638,250,000
Issuance of shares	-	122,730,990,000
Ending balance	<u>966,369,240,000</u>	<u>966,369,240,000</u>
Dividends declared	-	(122,730,990,000)
Dividends paid in shares	-	(122,730,990,000)

21.3 Shares

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Quantity	Amount (VND)	Quantity	Amount (VND)
Authorized shares	96,636,924	966,369,240,000	96,636,924	966,369,240,000
Issued shares				
Ordinary shares	96,636,924	966,369,240,000	96,636,924	966,369,240,000
Treasury shares				
Ordinary shares	-	-	(2,541,650)	(42,410,550,000)
Shares in circulation				
Ordinary shares	96,636,924	966,369,240,000	94,095,274	923,958,690,000

Par value of outstanding share: VND 10,000 per share. The holders of the Company's ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended**22. REVENUES****22.1 Revenue from sale of goods**

		VND
	Current year	Previous year
Gross revenue	1,210,456,380,134	1,425,624,612,200
Less:		
Sales returns	(203,810,405)	(561,587,822)
Net revenue	<u>1,210,252,569,729</u>	<u>1,425,063,024,378</u>

22.2 Finance income

		VND
	Current year	Previous year
Foreign exchange gains	12,517,244,914	20,372,266,603
Interest income	358,462,148	10,689,149,403
TOTAL	<u>12,875,707,062</u>	<u>31,061,416,006</u>

23. FINANCE EXPENSES

		VND
	Current year	Previous year
Foreign exchange losses	68,640,905,956	36,722,383,104
Interest expense	17,127,583,213	17,335,099,901
TOTAL	<u>85,768,489,169</u>	<u>54,057,483,005</u>

24. SELLING EXPENSES

		VND
	Current year	Previous year
Transportation	6,400,763,719	7,986,552,183
Letter of credit and documentary fees	3,195,497,469	7,574,931,856
Commission fee	1,115,428,363	554,678,691
Others	1,761,497,277	3,547,612,996
TOTAL	<u>12,473,186,828</u>	<u>19,663,775,726</u>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

25. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

		VND
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Labor costs	26,668,773,327	31,195,816,130
External services	9,504,211,323	12,079,570,434
Stationery and other tools costs	9,008,201,335	9,579,378,915
Depreciation and amortization	1,480,304,462	1,499,423,578
Others	5,660,682,404	6,085,506,397
TOTAL	52,322,172,851	60,439,695,454

26. OTHERS EXPENSES

		VND
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Depreciation and allocation	6,790,462,424	-
Others	113,412,061	54,346,623
TOTAL	6,903,874,485	54,346,623

27. PRODUCTION AND OPERATING COSTS

		VND
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Raw materials	733,217,021,641	855,629,530,014
External services	164,236,319,565	214,842,272,280
Depreciation and amortization (Notes 10 and 11)	92,837,137,603	91,883,225,860
Labor costs	92,451,098,481	113,563,925,627
Others	29,079,464,303	37,165,745,786
TOTAL	1,111,821,041,593	1,313,084,699,567

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

28. CORPORATE INCOME TAX

The applicable corporate income tax ("CIT") rates to the Company are as follows:

- For the Cu Chi Operation, the CIT rate is 20% of taxable profit.
- For the Trang Bang Branch, the CIT is applied according to each product type. In particular:
 - Income from Fully Drawn Yarn (FDY) and Drawn Textured Yarn (DTY) products onwards was exempted for four years (2011 - 2014) and is subject to 50% deduction in the following nine years (2015 - 2023). The applicable rate is 10% for 15 years from 2011.
 - Income from FDY and DTY products of expansion projects was exempted for four years (2016 - 2019) and is subject to 50% deduction in the following nine years (2020 - 2028). The applicable rate is 10% for 15 years from 2016.
 - Income from Partially Oriented Yarn (POY) products at stage 3 was exempted for two years (2016 - 2017) and is subject to 50% deduction in the following four years (2018 - 2021). The applicable rate is 10% for 15 years from 2016.

The tax returns filed by the Group are subject to examination by the tax authorities. Therefore, the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

28.1 CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current tax expense	5,481,093,224	5,936,938,896
Adjustment for under (over) accrual of CIT from prior years	967,481,631	(3,215,273,257)
Total current income tax expense	6,448,574,855	2,721,665,639
Deferred tax expense	50,126,534	480,931,911
TOTAL	6,498,701,389	3,202,597,550

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit before tax multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
Accounting profit before tax	18,901,045,047	91,001,930,237
At the applicable CIT rate for the Group	3,780,209,011	18,200,386,047
<i>Adjustments:</i>		
Non-deductible expenses	7,252,956,634	1,547,561,822
Tax incentive for the Trang Bang branch	(3,649,716,451)	(19,346,270,333)
Adjustment for under (over) accrual of tax from prior years	967,481,631	(3,215,273,257)
Unrealized (loss) profit	(273,240,773)	5,358,258,602
(Utilize tax loss) tax loss carrying forward	(1,578,988,662)	657,934,669
CIT expense	6,498,701,389	3,202,597,550

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

28. CORPORATE INCOME TAX (continued)

28.2 Current CIT

The current CIT payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Group for the year differs from the accounting profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted at the consolidated balance sheet date.

28.3 Deferred tax

The deferred tax asset items recognized by the Group, and the movements thereon, are as follows:

	<i>Consolidated balance sheet</i>		<i>Consolidated income statement</i>	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Accrued expenses	1,587,585,218	2,019,826,977	(432,241,759)	(341,791,400)
Provision for obsolete inventories	965,286,634	877,123,667	88,162,967	(73,359,524)
Foreign exchange arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency (gains)/losses	295,622,864	2,421,631	293,201,233	(64,178,601)
Accrual for severance pay	44,649,891	43,898,866	751,025	(1,602,386)
TOTAL	<u>2,893,144,607</u>	<u>2,943,271,141</u>		
<i>Net deferred tax charge to consolidated income statement</i>			<u>(50,126,534)</u>	<u>(480,931,911)</u>

VND

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

29. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

The related parties with the Company as at 31 December 2024 are as follows:

<i>Related party</i>	<i>Relationship</i>
Hung Loi Service Trading Investment Company Limited	Related party due to a BOD member of the Group investing therein
P.A.N Asia Co., Ltd	Related party due to a BOD member of the Company investing therein

Details of remuneration of the Board of Directors ("BOD"), Board of Supervision ("BOS") and management are as follows:

<i>Individuals</i>	<i>Position</i>	<i>VND</i>	
		<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Ms Dang My Linh	Chairwoman	150,000,000	150,000,000
Mr Dang Trieu Hoa	Deputy of Chairman cum General Director	1,492,450,300	1,517,600,000
Mr Dang Huong Cuong	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Chen Che Jen	Member of BOD	225,000,000	225,000,000
Ms Cao Thi Nguyet Anh	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Vo Quang Long	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Nguyen Quoc Huong	Member of BOD	225,000,000	225,000,000
Mr Nguyen Tu Luc	Head of Audit function	60,000,000	60,000,000
Ms Ha Kiet Tran	Member of BOS from 30 March 2023	60,000,000	60,000,000
Ms Dinh Ngoc Hoa	Member of BOS	198,714,294	167,748,325
Ms Nguyen Phuong Chi	Director	1,472,785,551	1,419,857,942
Mr Phan Nhu Bich	Financial Director cum Chief Accountant	936,636,843	836,885,835
TOTAL		5,270,586,988	5,112,092,102

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

30. EARNINGS PER SHARE

The following reflects the income and share data used in the basic and diluted earnings per share computations:

	VND	
	Current year	Previous year
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders adjusted for the effect of dilution	12,402,343,654	87,799,332,687
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share (i)	95,741,837	94,095,274
Earnings per share (par value of VND 10,000/share)		
- Basic	130	933
- Diluted	130	933

(i) The weighted average number of shares in circulation for the year ended 31 December 2024 and 31 December 2023 were adjusted to reflect the selling of 1,041,650 treasury shares to employees on 30 March 2024 and 1,500,000 treasury shares to public on 5 June 2024.

There have been no dilutive ordinary shares during the year and the date of completion of these consolidated financial statements.

31. OPERATING LEASE COMMITMENTS

The Group leases assets under an operating lease arrangement, with future minimum lease commitments due as follows:

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Less than 1 year	1,227,965,559	1,961,680,720
From 1 to 5 years	2,103,976,448	2,364,405,800
More than 5 years	8,896,236,498	8,884,960,020
TOTAL	12,228,178,505	13,211,046,540

32. OFF CONSOLIDATED BALANCE SHEET ITEM

	Ending balance	Beginning balance
Major foreign currency:		
United States dollar (USD)	38,844	74,162
EURO	25	-
JPY	418,231	-

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

33. PROFESSIONAL SERVICE FEES

Professional service fees with the global network of EY firms ("EY Firms") incurred in current year and prior year were as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Audit and review fees of separate and consolidated financial statements of the Group	310,000,000	310,000,000
Audit fee of financial statements of the subsidiary	50,000,000	50,000,000
Review fees special purpose financial statements of the Group	100,000,000	100,000,000
TOTAL	460,000,000	460,000,000

34. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the consolidated balance date that requires adjustment or disclosure in the consolidated financial statements of the Group.


Preparer
Nguyen Thi Hong Tham


Chief Accountant
Phan Nhu Bich


General Director
Dang Trieu Hoa



Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025